TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲ HỢP** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63**/2021/HS-ST
Ngày: 29/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: Ông Hà Văn Đông.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Hường.
2/ Ông Vy Hoàng Hà.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Sầm Thị Thanh Sương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2021/TLST – HS ngày 29 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93 /2021/QĐXXST–HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị H**, tên gọi khác: Không.
Sinh ngày 23 tháng 10 năm 1992 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An.
Trú tại: Bản P, xã CT, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T, con bà: Nguyễn Thị P; Chồng: Trương Văn N và có 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Nguyễn Thái Quỳnh** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tậm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Nghệ An. Công tác tại chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý số 2 thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An.**
Đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị T H – Chức vụ: Thẩm phán – Chánh văn phòng TAND huyện Quỳ Hợp (Giấy ủy quyền ngày 02/10/2020). (Có đơn xin xét xử mặt)

2. **Ủy ban nhân dân xã CT, huyện Q, tỉnh Nghệ An.**
Đại diện theo pháp luật: Ông Lang Văn H – Chức vụ: Chủ tịch. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Những người làm chứng:*

1. Ông **Nguyễn Văn T**; Sinh năm: 1965.
Trú tại: Bản P, xã CT, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)
2. Ông **Hoàng Quang T**; Sinh năm: 1974.
Trú tại: Bản C, xã CT, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)
3. Chị **Sầm Thị T**; Sinh năm: 1983.
Trú tại: Bản P, xã CH, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H và anh Trương Văn N, sinh năm 1991, có địa chỉ tại bản C, xã CT, huyện Q, tỉnh Nghệ An là vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật (năm 2014 anh N bỏ đi không rõ tin tức, nơi ở và nơi làm việc). Trong thời gian H đi làm công nhân ở tỉnh V đã quen biết và nảy sinh tình cảm, muốn lập gia đình với người khác, H nộp đơn, tài liệu, chứng cứ khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Q yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Trương Văn N, vụ án ly hôn được Tòa án nhân dân huyện Qu thụ lý giải quyết (số thụ lý 102/2020/TL-HNGĐ ngày 08/6/2020), do anh N chồng của H không có mặt tại địa phương từ năm 2014 trước khi H nộp đơn khởi kiện, nên vụ án chưa giải quyết xong. Do muốn nhanh chóng được kết hôn sớm, đến cuối tháng 7 năm 2020 H nảy sinh ý định nhờ người làm Quyết định ly hôn giả để có thể đăng ký kết hôn, H sử dụng mạng xã hội, thông qua tài khoản Facebook có tên "C" của mình vào trang "Làm giấy tờ nhanh" tìm và nhắn tin, đặt mua với một người không quen biết 01 quyết định ly hôn giả với số tiền thỏa thuận là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Quyết định ly hôn giả có nội dung: "Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 56/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2020" có chữ ký của "Thẩm phán Lê Xuân D" và hình dấu đỏ có nội dung "TÒA ÁN NHÂN DÂN H.Q T.NGHỆ AN".

Quá trình giao dịch, đối tượng nhận làm quyết định ly hôn giả cho H yêu cầu H chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng trước, sau đó H cung cấp địa chỉ nơi nhận giấy tờ của mình cho người đó. Ngày hôm sau H đến một cửa hàng mua bán điện thoại ở chợ VY, thành phố VY, tỉnh V nhờ chuyển số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào số tài khoản do đối tượng cung cấp (H không còn nhớ và xác định được số tài khoản). Sau khi đặt mua quyết định ly hôn giả trên mạng Internet, H làm thủ tục xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết ly hôn của mình với anh Trương Văn N tại Tòa án nhân dân huyện Q, ngày 13/8/2020 Tòa án nhân dân huyện Q ra quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 134/2020/QĐST-HNGĐ.

Sau khi đối tượng nhận làm quyết định ly hôn giả trên mạng xã hội chuyển Quyết định ly hôn giả cho H qua bưu điện, H đã gọi điện và chuyển phát nhanh về cho bố đẻ của mình là ông Nguyễn Văn T nhờ đưa Quyết định ly hôn giả đến UBND xã CT, huyện Q, để làm thủ tục xin cấp "Giấy xác nhận tình trạng hôn

nhân" cho H, với mục đích đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Huy N, sinh năm 1998, trú tại xã T1, huyện S, tỉnh T. Ngày 20/8/2020 ông T đến UBND xã CT làm thủ tục và được cấp "Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 13/2020/UBND-XNTTHN ngày 20/8/2020", sau đó ông T gửi ra cho H đang ở tỉnh V, khi nhận được giấy phát hiện có sai sót về thông tin ngày sinh so với tờ khai xin cấp giấy, nên H gọi điện thoại nhờ ông T đến UBND xã CT xin đính chính lại thông tin và cấp lại giấy xác nhận mới. Ngày 24/8/2020 ông T đến UBND xã CT làm lại "Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân" cho H, sau khi kiểm tra lại giấy tờ, thủ tục, cán bộ Tư pháp UBND xã CT nghi ngờ "Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 56" là giấy tờ được làm giả, nên đã báo cáo sự việc với lãnh đạo UBND xã CT, phối hợp với Tòa án nhân dân huyện Q xác minh lại Quyết định ly hôn đã cung cấp, sự việc mới bị phát hiện.

Tại bản kết luận giám định số: 412/KLGĐ-PC09(Đ3) ngày 22/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nghệ An kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung "TÒA ÁN NHÂN DÂN H.Q T.NGHỆ AN" dưới mục "THẨM PHÁN" trên "QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ" ký hiệu A được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn có nội dung "TÒA ÁN NHÂN DÂN H.Q T.NGHỆ AN" dưới mục "THẨM PHÁN" trên "QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ" ký hiệu A so với hình dấu tròn có nội dung "TÒA ÁN N D HUYỆN Q T NGHỆ AN" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Bản cáo trạng số: 39/CT-VKSQH ngày 29/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An, truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị H về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, bị cáo đồng ý với bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An đối bị cáo.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Không buộc bị cáo Nguyễn Thị H chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì, nên đề nghị không xem xét.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Về điều luật, tội danh truy tố đối với bị cáo, người bào chữa không có ý kiến tranh luận gì, bị cáo phạm tội với mục đích để được đăng ký kết hôn, thuận lợi trong việc làm giấy khai sinh cho người

con mới sinh, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội đang mang thai, hiện nay đang nuôi con nhỏ. Đề xuất áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 05 đến 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến gì bổ sung thêm vào lời bào chữa cho mình và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Nói lời nói sau cùng tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳ Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và đại diện của bên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Căn cứ tài liệu hồ sơ trích sao, biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật; Kết luận giám định, bản tự khai, biên bản hỏi cung, lấy lời khai của bị cáo, lời khai người đại diện của bên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập tại hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định:

Tháng 6 năm 2020 bị cáo Nguyễn Thị H nộp đơn xin giải quyết ly hôn với chồng là anh Trương Văn N, do anh N đi khỏi địa phương từ năm 2014 trước khi bị cáo nộp đơn, nên vụ án ly hôn chưa giải quyết xong. Do muốn sớm được đăng ký kết hôn với người khác, đến tháng 7 năm 2020 trong lúc vụ án ly hôn chưa có kết quả giải quyết, bị cáo nảy sinh ý định vào mạng xã hội đặt mua Quyết định giải quyết ly hôn giả, bị cáo sử dụng mạng xã hội Facebook nhắn tin đặt mua 01 quyết định ly hôn giả với một người không rõ danh tính, địa chỉ. Bị cáo cung cấp thông tin cá nhân và chuyển số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đối tượng đã liên hệ qua mạng xã hội đặt mua 01 "Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 56/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2020", với mục đích sử dụng xin cấp "Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân" để được đăng ký kết hôn với người khác và dễ dàng làm thủ tục đăng ký khai sinh cho người con thứ hai mới sinh. Sau khi nhận được Quyết định ly hôn giả, bị cáo viết đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn của mình đối với anh Trương Văn N tại Tòa án nhân dân huyện Q, sau đó bị cáo nhờ bố đẻ của mình là ông

Nguyễn Văn T đến UBND xã CT, huyện Q, làm thủ tục xin cấp "Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân" cho mình. Sau khi được UBND xã cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, do có sai sót về thông tin nên bị cáo nhờ bố đẻ xin đính chính lại thông tin và cấp lại giấy xác nhận mới, sau khi tiếp nhận lại yêu cầu, cán bộ tư pháp UBND xã CT phát hiện ra sự việc nên đã báo cáo lãnh đạo và các cơ quan liên quan.

Bản thân bị cáo H biết rõ vụ án ly hôn của mình chưa được giải quyết xong, nhưng cố ý thực hiện hành vi đặt mua và sử dụng quyết định ly hôn giả, với mục đích xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để được đăng ký kết hôn với người khác, thuận lợi đăng ký khai sinh cho người con mới sinh. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự theo như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo xâm phạm vào trật tự quản lý hành chính và hoạt động đúng đắn, bình thường của cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao chức năng, quyền hạn theo quy định. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc sử dụng Quyết định ly hôn giả là sai trái, vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng để đạt được mục đích nhanh chóng được đăng ký kết hôn với bạn trai mới nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần buộc bị cáo chịu mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho xã hội và răn đe giáo dục phòng ngừa chung. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa cho thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng sâu, vùng xa nên nhận thức về pháp luật có hạn chế, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, hiện đang nuôi con nhỏ, để bị cáo có cơ hội được tự sửa chữa sai lầm của mình, qua đó thể hiện sự khoan hồng, tính nhân văn của pháp luật Nhà nước ta, nên cần xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo được sửa chữa vi phạm, cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là đủ nghiêm.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đó là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định, bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng, đến 50.000.000 đồng. Nhưng theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo là lao động tự do, không có tài sản bảo đảm thi hành án,

nguồn thu nhập không ổn định và đang nuôi con nhỏ, nên cần xem xét miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với người bán Quyết định ly hôn giả cho bị cáo, quá trình điều tra, xác minh không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

Hành vi của ông Nguyễn Văn T, bố đẻ của bị cáo là người được bị cáo gửi "Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 56/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2020" được làm giả, nhờ đi làm hộ thủ tục xin cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho bị cáo, qua điều tra xác định được bản thân ông T không biết quyết định ly hôn đó là giả, nên không có căn cứ để xử lý đối với ông T.

Theo lời khai của bị cáo Nguyễn Thị H, ngoài Quyết định ly hôn giả ra bị cáo còn mua và sử dụng 01 Chứng minh thư nhân dân giả để làm thủ tục nhập nhân khẩu vào hộ gia đình bố, mẹ đẻ của mình, nhưng trong quá trình bảo quản bị cáo đã làm hư hỏng và thất lạc nên không có tài liệu, chứng cứ để đối chiếu, giám định để xem xét xử lý.

[6] Về vật chứng: + 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG thu giữ của bị cáo, trong quá trình điều tra được xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cơ quan điều tra Công an huyện Quỳ Hợp đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo (thể hiện tại Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 20/3/2021). Việc trả lại điện thoại cho bị cáo trong giai đoạn điều tra là đúng quy định, nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

+ Đối với "Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 56/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2020" thu giữ của bị cáo là tài liệu chứng minh tội phạm nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

+ Bản gốc "Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 13/2020/UBND-XNTTHN ngày 20/8/2020" do UBND xã CT phát hành, cấp cho bị cáo, trong quá trình lưu giữ bị cáo đã làm thất lạc, không thu hồi được.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu bồi thường hay khắc phục hậu quả gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị H** phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng**, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về cho chính quyền UBND xã CT, huyện Q, tỉnh Nghệ An quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. **Án phí**: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- VKS ND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳ hợp;
- Cơ quan điều tra CA huyện Quỳ hợp;
- THADS huyện Quỳ hợp;
- UBND xã, thị trấn nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- lưu HS, VP ;

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Đông